

Bản án số: **380/2024/HNGĐ-ST**

Ngày: 25/6/2024.

“V/v tranh chấp ly hôn”

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CP, TỈNH AN GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Thái Dương Thùy Dung.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Lê Trung Thành; Ông Mai Minh Chánh.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Ngô Thái Trân - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện CP, tỉnh An Giang.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện CP tham gia phiên tòa:** Ông Huỳnh Hoàng Vũ – Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 6 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện CP, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số: 346/2024/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 5 năm 2024 về “tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 340/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 6 năm 2024 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà **Phan Thị T**, sinh năm 1979. Địa chỉ cư trú: Số 1188, tổ 5, ấp Mỹ Thiện, xã MĐ, huyện CP, tỉnh An Giang (vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt).

2. *Bị đơn:* Ông **Nguyễn Văn Đ**, sinh năm 1980. Địa chỉ cư trú: Số 1188, tổ 5, ấp Mỹ Thiện, xã MĐ, huyện CP, tỉnh An Giang (vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

\* Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Phan Thị T trình bày như sau:

Bà và ông Nguyễn Văn Đ tự nguyện quen nhau rồi chung sống với nhau như vợ chồng vào năm 1998 nhưng đến nay không có thực hiện thủ tục đăng ký kết hôn theo quy định. Quá trình chung sống thời gian sau, ông bà phát sinh mâu thuẫn, bất đồng quan điểm, cuộc sống không còn hạnh phúc. Nay, bà yêu cầu được ly hôn với ông Đ. Về con chung: có 02 (hai) con chung tên Nguyễn Hùng F1, sinh ngày 28/5/1999 và Nguyễn Hùng F2, sinh ngày 26/12/2003. Hiện các con đã thành niên

và có khả năng lao động được nên bà không yêu cầu giải quyết. Về tài sản chung và nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

\* Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Nguyễn Văn Đ trình bày:

Ông thống nhất với T về việc ông và bà T tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng vào năm 1998 nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định. Hai người chung sống với nhau có 02 người con, đến thời gian sau này, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, không có tiếng nói chung, không còn hạnh phúc, tình cảm nhạt phai. Nay, bà T yêu cầu ly hôn, ông đồng ý ly hôn. Về con chung, ông thống nhất có 02 con chung là cháu F1 và cháu F2, hiện hai con chung đã thành niên và có khả năng lao động được nên không yêu cầu giải quyết. Về tài sản chung và nợ chung: Ông thống nhất với bà T là không yêu cầu Tòa án giải quyết.

\* Qua trích lục thông tin đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã MĐ xác định: Từ năm 1976 đến nay không tìm thấy thông tin đăng ký kết hôn của ông Nguyễn Văn Đ và bà Phan Thị T.

\* Tại phiên tòa:

- Nguyên đơn và bị đơn đều vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện CP phát biểu ý kiến như sau:

+ Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục xét xử sơ thẩm theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015. Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện quyền và nghĩa vụ đúng theo quy định tại Điều 70, 71, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Tại phiên tòa, nguyên đơn và bị đơn đều vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định.

+ Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 14, Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà T và ông Đ. Về con chung, tài sản chung, nợ chung: đề nghị không xem xét. Về án phí sơ thẩm: Đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn bà Phan Thị T khởi kiện yêu cầu giải quyết về ly hôn đối với bị đơn ông Nguyễn Văn Đ. Ông Đ có địa chỉ cư trú tại xã MĐ, huyện CP, tỉnh An Giang nên xác định quan hệ tranh chấp trong vụ án là “tranh chấp ly hôn” và Tòa án nhân dân huyện CP có thẩm quyền thụ lý, giải quyết

vụ án là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

- Về sự có mặt, vắng mặt của đương sự: Tại phiên tòa, nguyên đơn, bị đơn đều vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt nên căn cứ vào khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án là đúng quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung vụ án:

Về hôn nhân: Xét thấy, nguyên đơn bà Phan Thị T và bị đơn ông Nguyễn Văn Đ mặc dù tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1998 nhưng đến nay không thực hiện thủ tục đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nên xác định hôn nhân giữa ông bà không có giá trị pháp lý, không làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa vợ chồng. Do đó, căn cứ vào Điều 9, Điều 14, Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 và khoản 4 Điều 3 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06 tháng 01 năm 2016 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Tư pháp hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Phan Thị T và ông Nguyễn Văn Đ.

Về con chung: Bà T và ông Đ đều thống nhất có 02 con chung là Nguyễn Hùng F1, sinh ngày 28/5/1999 và Nguyễn Hùng F2, sinh ngày 26/12/2003, hiện hai con đã thành niên và có khả năng lao động được nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà T và ông Đ đều thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí sơ thẩm:

Do bà T là nguyên đơn trong vụ án ly hôn nên bà T phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định của pháp luật nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí hôn nhân sơ thẩm 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005729 ngày 23/5/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện CP. Do đó, bà T không phải nộp thêm.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều 235, Điều 238, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 9, Điều 14, Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào khoản 4 Điều 3 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06 tháng 01 năm 2016 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện

kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Tư pháp hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử:

- Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Phan Thị T và ông Nguyễn Văn Đ.

- Về con chung: Không xem xét.

- Về tài sản chung, nợ chung: không xem xét.

- Về án phí sơ thẩm:

Nguyên đơn bà Phan Thị T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) mà bà T đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án, lệ phí Tòa án số 0005729 ngày 23 tháng 5 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện CP, bà T không phải nộp thêm.

- Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn bà Phan Thị T, bị đơn ông Nguyễn Văn Đ có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết, tổng đạt hợp lệ.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định Luật Thi hành án dân sự.*

**Nơi nhận:**

- TAND Tỉnh An Giang;
- Viện kiểm sát ND tỉnh AG;
- Viện kiểm sát ND H. CP;
- Chi cục THA DS H. CP;
- Dương sự;
- Lưu VP; hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Thái Dương Thùy Dung**